

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 21/2026/DS-ST

Ngày: 20-01-2026

“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Ngân.
2. Ông Bùi Huy Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thiên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 về “*Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 208/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần H;

Địa chỉ trụ sở: Số E N, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội (Nay là số E N, phường L, Thành phố Hà Nội).

Địa chỉ liên hệ: Tầng A Tòa nhà T N, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là tầng 12 Tòa nhà R số A N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L, chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Q1 (vắng mặt).

Theo Văn bản ủy quyền số 12402/2023/UQ-TGD12 ngày 29-12-2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần H.

Người đại diện theo ủy quyền lại:

1. Ông Trần Nguyễn Hải Đ, chức danh: Chuyên viên xử lý nợ (có mặt).

Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà R - A N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Văn T, chức danh: Chuyên viên xử lý nợ (vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà R - A N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Vũ Công M, chức danh: Chuyên viên xử lý nợ (vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng A Tòa nhà R - A N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Văn bản ủy quyền số 9630/2024/GUQ-TGD12 ngày 04-10-2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần H.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 05-10-1975; Chứng minh nhân dân số 273191658, cấp ngày 14-4-2015 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là ấp Q, xã N, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần H do ông Trần Nguyễn Hải Đ là người đại diện theo ủy quyền, trình bày:

Ngày 14-01-2023, ông Nguyễn Văn T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần H, Chi nhánh V, Phòng G Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng cho vay số 02T/2023/HĐCV ngày 14-01-2023 để vay tiền số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); mục đích vay: Mua sắm trang thiết bị nội thất gia đình; thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày 14-01-2023 đến ngày 18-4-2028; lãi suất vay 23,5%/01 năm (lãi suất thả nổi: Lãi suất kỳ đầu tiên 23,5%/năm; lãi suất các kỳ tiếp theo được điều chỉnh lãi suất cơ sở cộng biên độ 6,5%/năm); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.; phương thức trả nợ: Nợ gốc trả vào ngày 16 hàng tháng, lãi hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần.

Ngày 16-02-2023, ông Nguyễn Văn T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần H, Chi nhánh V, Phòng G Hợp đồng tín dụng số 01295/HĐTD/2023/HĐTCHM/RB/4107810 ngày 16-02-2023 để vay tiền số tiền 94.000.000 đồng (Chín mươi bốn triệu đồng); mục đích vay: Phục vụ đời sống,

nhu cầu chi tiêu cá nhân; thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 15-02-2023 đến ngày 15-02-2024; lãi suất thả nổi: Lãi suất kỳ đầu tiên 24%/01 năm; lãi suất các kỳ tiếp theo được điều chỉnh lãi suất cơ sở cộng biên độ 6%/01 năm; lãi suất quá hạn bằng 145% lãi suất chi tiêu trong hạn; phương thức trả nợ: Nợ gốc trả vào cuối kỳ và lãi trả vào ngày cuối cùng hàng tháng.

Đối với Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay số 02T/2023/HĐCV ngày 14-01-2023, từ sau khi vay và được giải ngân cho đến ngày 16-11-2023, ông Nguyễn Văn T đã thanh toán được cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H (sau đây viết tắt là Ngân hàng) tổng số tiền 56.243.289 đồng (Năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn hai trăm tám mươi chín đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 26.666.664 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bốn đồng), tiền nợ lãi trong hạn 29.482.703 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn bảy trăm linh ba đồng), tiền nợ lãi quá hạn 93.922 đồng (Chín mươi ba ngàn chín trăm hai mươi hai đồng). Sau đó, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Văn T thanh toán nợ nhưng ông T vẫn không thực hiện.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 01295/HĐTD/2023/HĐTCHM/RB/4107810 ngày 16-02-2023, từ sau khi vay và được giải ngân cho đến ngày 20-01-2026, ông Nguyễn Văn T đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền 19.314.911 đồng (Mười chín triệu ba trăm mười bốn ngàn chín trăm mười một đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 4.021.292 đồng (Bốn triệu không trăm hai mươi một ngàn hai trăm chín mươi hai đồng), tiền nợ lãi trong hạn 15.293.619 đồng (Mười lăm triệu hai trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm mười chín đồng).

Nay, Ngân hàng H yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải có nghĩa vụ trả số tiền vay còn thiếu tạm tính đến ngày 20-01-2026 theo Giấy Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay số 02T/2023/HĐCV ngày 14-01-2023 và Hợp đồng tín dụng số 01295/HĐTD/2023/HĐTCHM/RB/4107810 ngày 16-02-2023 với số tiền 473.586.375 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng). Cụ thể:

Đối với Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay số 02T/2023/HĐCV ngày 14-01-2023 là 310.890.574 đồng (Ba trăm mười triệu tám trăm chín mươi ngàn năm trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 173.333.336 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi sáu đồng), tiền nợ lãi trong hạn 3.780.519 đồng (Ba triệu bảy trăm tám mươi ngàn năm trăm mười chín đồng), tiền nợ lãi quá hạn 133.248.222 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn hai trăm hai mươi hai đồng), tiền nợ lãi chậm trả 528.497 đồng (Năm trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi bảy đồng).

Đối với Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1295/HĐTD/2023/HĐTCHM/RB/

4107810 ngày 16-02-2023 là 162.695.801 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm linh một đồng), trong đó: trong đó: Tiền nợ gốc 89.975.708 đồng (Tám mươi chín triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm linh tám đồng), tiền nợ lãi trong hạn 7.456.891 đồng (Bảy triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi một đồng), tiền nợ lãi quá hạn 65.263.202 đồng (Sáu mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm linh hai đồng). Và tiền lãi phát sinh từ ngày 21-01-2026 theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Văn T theo quy định của pháp luật nhưng ông T không đến.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng phần quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng phần quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về thời hạn chuẩn bị xét xử có vi phạm nên đề nghị Tòa án khắc phục.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP H khởi kiện đối với ông Nguyễn Văn T yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng nên đây là “Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng”.

Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện và Tòa án thụ lý vụ án, ông T có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã N, Thành phố Hồ Chí Minh) nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền có mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai (không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) mà vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng, thấy:

Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay số 02T/2023/HĐCV ngày 14-01-2023, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01295/HĐTD/2023/HĐTCHM/RB/4107810 ngày 16-02-2023 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP H và ông Nguyễn Văn T là loại hợp đồng theo mẫu. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ vào Điều 405 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thỏa thuận này có giá trị pháp lý nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Về số tiền gốc, tiền lãi nguyên đơn yêu cầu thanh toán theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay số 02T/2023/HĐCV ngày 14-01-2023, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01295/HĐTD/2023/HĐTCHM/RB/4107810 ngày 16-02-2023:

[2.2.1]. Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay số 02T/2023/HĐCV ngày 14-01-2023:

Ngày 14-01-2023, bị đơn ông T có Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay số 02T/2023/HĐCV ngày 14-01-2023 với Ngân hàng TMCP H, Chi nhánh V, Phòng G. Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân cho ông T số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay số 02T/2023/HĐCV ngày 14-01-2023; mục đích vay: Mua sắm trang thiết bị nội thất gia đình; thời hạn vay 60 tháng tính từ ngày 14-01-2023 đến ngày 18-4-2028; phương thức cho vay: Từng lần; lãi suất vay 23,5%/01 năm (lãi suất thả nổi: Lãi suất kỳ đầu tiên 23,5%/năm; lãi suất các kỳ tiếp theo được điều chỉnh lãi suất cơ sở cộng biên độ 6,5%/năm); kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh đầu tiên ngày 16-5-2023; phương thức trả nợ: Nợ gốc trả vào ngày 16 hàng tháng, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 16-3-2023, số tiền gốc phải trả mỗi kỳ 3.333.333 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi đồng), kỳ cuối trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại; nợ lãi trả vào ngày 16 hàng tháng, ngày trả nợ lãi đầu tiên ngày 16-3-2023; lãi suất quá hạn bằng 150%

lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả là 10% trên số tiền lãi gốc đến hạn chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Sau khi vay và được giải ngân cho đến ngày 20-01-2026, ông T đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 56.243.289 đồng (Năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi ba ngàn hai trăm tám mươi chín đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 26.666.664 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bốn đồng), tiền nợ lãi trong hạn 29.482.703 đồng (Hai mươi chín triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn bảy trăm linh ba đồng), tiền nợ lãi quá hạn 93.922 đồng (Chín mươi ba ngàn chín trăm hai mươi hai đồng).

Kể từ ngày 17-11-2023, do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay của ông T sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn đối với khoản vay của ông T theo quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký.

Như vậy, căn cứ vào mục 5, 6, 7 của Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng cho vay số 02T/2023/HĐCV ngày 14-01-2023; Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 17-11-2023, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo thỏa thuận giữa hai bên khi xác lập hợp đồng là phù hợp với quy định của Ngân hàng N về việc cho vay của các tổ chức tín dụng.

[2.2.2.] Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01295/HĐTD/2023/HĐTCHM/RB/4107810 ngày 16-02-2023:

Ngày 16-02-2023, ông Nguyễn Văn T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần H, Chi nhánh V, Phòng G Hợp đồng tín dụng số 01295/HĐTD/2023/HĐTCHM/RB/4107810 để vay tiền số tiền 94.000.000 đồng (Chín mươi bốn triệu đồng). Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân cho ông T vào tài khoản thấu chi số 08031012021754 của ông T tại Ngân hàng; mục đích vay: Phục vụ đời sống, nhu cầu chi tiêu cá nhân; thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 15-02-2023 đến ngày 15-02-2024; lãi suất thả nổi: Lãi suất kỳ đầu tiên 24%/01 năm; lãi suất các kỳ tiếp theo được điều chỉnh lãi suất cơ sở cộng biên độ 6%/01 năm; lãi suất quá hạn bằng 145% lãi suất chi tiêu trong hạn; phương thức trả nợ: Nợ gốc trả vào cuối kỳ và lãi trả vào ngày cuối cùng hàng tháng.

Sau khi vay và được giải ngân cho đến ngày 20-01-2026, ông T đã thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 19.314.911 đồng (Mười chín triệu ba trăm mười

bốn ngàn chín trăm mười một đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 4.021.292 đồng (Bốn triệu không trăm hai mươi một ngàn hai trăm chín mươi hai đồng), tiền nợ lãi trong hạn 15.293.619 đồng (Mười lăm triệu hai trăm chín mươi ba ngàn sáu trăm mười chín đồng).

Kể từ ngày 15-02-2024, do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay của ông T sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn đối với khoản vay của ông T theo quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký.

Như vậy, căn cứ vào Điều 2, 5, 8, 10 của Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01295/HĐTD/2023/HĐTCHM/RB/4107810 ngày 16-02-2023; Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 15-02-2024, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo thỏa thuận giữa hai bên khi xác lập hợp đồng là phù hợp với quy định của Ngân hàng N về việc cho vay của các tổ chức tín dụng.

[3]. Từ những phân tích trên buộc ông T phải có nghĩa vụ trả số nợ còn thiếu cho Ngân hàng tính đến ngày 20-01-2026, cụ thể như sau:

Theo Giấy đề nghị vay vốn kèm Hợp đồng cho vay số 02T/2023/HĐCV ngày 14-01-2023 là 310.890.574 đồng (Ba trăm mười triệu tám trăm chín mươi ngàn năm trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 173.333.336 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi sáu đồng), tiền nợ lãi trong hạn 3.780.519 đồng (Ba triệu bảy trăm tám mươi ngàn năm trăm mười chín đồng), tiền nợ lãi quá hạn 133.248.222 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn hai trăm hai mươi hai đồng), tiền nợ lãi chậm trả 528.497 đồng (Năm trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi bảy đồng).

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1295/HĐTD/2023/HĐTCHM/RB/4107810 ngày 16-02-2023 là 162.695.801 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm linh một đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 89.975.708 đồng (T1 mười chín triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm linh tám đồng), tiền nợ lãi trong hạn 7.456.891 đồng (Bảy triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi một đồng), tiền nợ lãi quá hạn 65.263.202 đồng (Sáu mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm linh hai đồng).

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

$[20.000.000 \text{ đồng} + 4\% (473.586.375 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng})] = 22.943.455 \text{ đồng}$ (Hai mươi hai triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi lăm đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 280, 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 7, Điều 8 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ các Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc “*Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng*”.

Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần H số tiền vay còn thiếu tính đến ngày 20-01-2026 là 473.586.375 đồng (Bốn trăm bảy mươi ba triệu năm trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 263.309.044 đồng (Hai trăm sáu mươi ba triệu ba trăm linh chín ngàn không trăm bốn mươi bốn đồng), tiền nợ lãi trong hạn 11.237.410 đồng (Mười một triệu hai trăm ba mươi bảy ngàn bốn trăm mười đồng), tiền nợ lãi quá hạn 198.511.424 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu năm trăm mười một ngàn

bốn trăm hai mươi bốn đồng), tiền nợ lãi chậm trả 528.497 đồng (Năm trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi bảy đồng). Cụ thể:

Theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay số 02T/2023/HĐCV ngày 14-01-2023 là 310.890.574 đồng (Ba trăm mười triệu tám trăm chín mươi ngàn năm trăm bảy mươi bốn đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 173.333.336 đồng (Một trăm bảy mươi ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn ba trăm ba mươi sáu đồng), tiền nợ lãi trong hạn 3.780.519 đồng (Ba triệu bảy trăm tám mươi ngàn năm trăm mười chín đồng), tiền nợ lãi quá hạn 133.248.222 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn hai trăm hai mươi hai đồng), tiền nợ lãi chậm trả 528.497 đồng (Năm trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm chín mươi bảy đồng).

Theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1295/HĐTD/2023/HĐTCHM/RB/4107810 ngày 16-02-2023 là 162.695.801 đồng (Một trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm linh một đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 89.975.708 đồng (Tám mươi chín triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm linh tám đồng), tiền nợ lãi trong hạn 7.456.891 đồng (Bảy triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi một đồng), tiền nợ lãi quá hạn 65.263.202 đồng (Sáu mươi lăm triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm linh hai đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20-01-2026) cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng cho vay số 02T/2023/HĐCV ngày 14-01-2023, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1295/HĐTD/2023/HĐTCHM/RB/4107810 ngày 16-02-2023 cho đến khi trả hết nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 22.943.455 đồng (Hai mươi hai triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm năm mươi lăm đồng).

Ngân hàng TMCP H không phải nộp án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP H số tiền 8.400.000 đồng (Tám triệu bốn trăm ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức (Nay là Thi hành án Dân sự Thành phố H) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000600 ngày 20 tháng 3 năm 2025.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (ngày 20-01-2026). Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”).

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 14 - TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án DS TP. HCM;
- Phòng THA DS KV 14, TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga